

Bản án số: 76/2022/DS-ST
Ngày 20 tháng 8 năm 2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2, Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên toà xét xử vụ án dân sự thụ lý số 111/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-DS ngày 23/7/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Kh, sinh năm 1964. Cư trú: Thôn G, xã LP, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982. Cư trú: Thôn AL, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lưu Thị H. Cư trú: Thôn AL, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc Kh trình bày:

Giữa ông với vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Lưu Thị H có quan hệ quen biết xã hội. Ngày 06/11/2017, vợ chồng anh Đ và chị H có vay của ông số tiền 200.000.000 đồng. Đây là tiền của cá nhân ông. Anh Đ chị H nói với ông mục đích vay tiền để làm ăn kinh tế, còn thực tế sử dụng vào việc gì thì ông không nắm

được. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay. Việc vay tiền có lập thành văn bản là Giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận. Các bên có thỏa thuận tiền lãi nhưng không ghi vào giấy vay tiền, mức lãi suất 1%/tháng. Sau khi ông cho anh Đ và chị H vay tiền của ông thì không trả tiền lãi cho ông. Hết thời hạn vay, ông đã yêu cầu vợ chồng anh Đ và chị H trả nợ nhiều lần nhưng không trả.

Đến nay anh Đ và chị H đã trả cho ông được tổng số tiền 35.000.000 đồng (các lần trả như sau: Một lần trả 10.000.000 đồng vào cuối năm 2019, trả 01 bộ bàn ghế trị giá 10.000.000 đồng vào năm 2021 và chuyển khoản 15.000.000 đồng vào ngày 01/5/2022), ông đề nghị trừ số tiền này vào tiền lãi. Nay ông yêu cầu anh Đ và chị H trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 06/11/2017 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2022) là 04 năm 09 tháng 14 ngày nhưng ông chỉ yêu cầu trả lãi trong thời gian là 04 năm 09 tháng với tổng số tiền lãi là 94.940.000 đồng nhưng trừ số tiền lãi đã trả là 35.000.000 đồng, số tiền lãi anh Đ và chị H còn phải thanh toán cho ông là 59.940.000 đồng.

Việc anh Đ trình bày đã thanh toán tiền lãi hàng tháng cho ông, mỗi tháng trả 4.000.000 đồng là không đúng. Không có việc vợ chồng anh Đ trả tiền lãi hàng tháng cho ông.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án, anh Đ trình bày: Vợ chồng anh có vay của ông Kh tổng số tiền 200.000.000 đồng để làm ăn kinh tế gia đình. Các bên thỏa thuận tiền lãi 2.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày nhưng không ghi vào trong giấy vay tiền. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay 06/11/2017. Tiền lãi vợ chồng anh thanh toán hàng tháng cho ông Kh, mỗi tháng trả 4.000.000 đồng tiền lãi, ông Kh là người trực tiếp nhận tiền lãi. Khi ông trả tiền lãi cho ông Kh thì các bên không viết giấy tờ gì về việc giao nhận tiền lãi. Anh đã trả tiền lãi được hai năm (24 tháng), ngoài ra thì trả thêm 10.000.000 đồng vào cuối năm 2019, trả 01 bộ bàn ghế trị giá 10.000.000 đồng vào năm 2021, và chuyển khoản 15.000.000 đồng vào khoảng tháng 5/2022. Nay ông Kh yêu cầu vợ chồng ông trả tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi thì anh đồng ý nhưng anh đề nghị đối trừ tổng số tiền lãi 131.000.000 đồng anh đã trả cho ông Kh.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị H không đến Tòa án để làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Buộc anh Nguyễn Văn Đ và chị Lưu Thị H trả ông Nguyễn Ngọc Kh tổng số tiền cả gốc và lãi là 259.940.000 đồng.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lưu Thị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả ông Nguyễn Ngọc Kh số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc Kh đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự này.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Ngọc Kh yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ và chị Lưu Thị H trả số tiền vay cả gốc và lãi là 259.940.000 đồng. Các bên có giao kết bằng văn bản, ghi rõ số lượng tiền nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463 của Bộ luật dân sự). Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ông Kh yêu cầu anh Đ và chị H trả số tiền gốc 200.000.000 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của ông Kh, anh Đ và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định có việc vợ chồng anh Đ và chị H vay của ông Kh số tiền gốc 200.000.000 đồng. Hết thời hạn vay, anh Đ và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Kh. Do vậy xác định anh Đ và chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Anh Đ đồng ý trả số tiền này theo yêu cầu của ông Kh. Chị H không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Kh. Việc ông Kh yêu cầu anh Đ và chị H trả số tiền gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Ông Kh yêu cầu anh Đ và chị H trả số tiền lãi từ ngày 06/11/2017 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2022) là 04 năm 09 tháng 14 ngày nhưng ông chỉ yêu cầu trả lãi trong thời gian là 04 năm 09 tháng với tổng số tiền lãi là 59.940.000 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của ông Kh, anh Đ và các tài liệu trong hồ sơ xác định đây là khoản vay có lãi nhưng các bên không thống nhất mức lãi suất. Nay ông Kh yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm. Mức lãi suất theo yêu cầu của ông Kh là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi được tính là:

$[4 \times (200.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm)] + [9 \times (200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng)] = 94.940.000 \text{ đồng}.$

Anh Đ trình bày đã trả tiền lãi được hai năm (24 tháng) mỗi tháng 4.000.000 đồng với tổng số tiền 96.000.000 đồng. Ngoài ra có trả thêm 10.000.000 đồng vào cuối năm 2019, trả 01 bộ bàn ghế trị giá 10.000.000 đồng vào năm 2021, và chuyển khoản 15.000.000 đồng vào khoảng tháng 5/2022 với tổng số tiền lãi là 131.000.000 đồng. Ông Kh chỉ thừa nhận anh Đ và chị H đã trả được 35.000.000 đồng tiền lãi. Còn số tiền lãi 96.000.000 đồng, ông Kh không thừa nhận anh Đ đã trả số tiền này, anh Đ không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

Do đó xác định số tiền lãi anh Đ và chị H phải trả cho ông Kh là 94.940.000 đồng, nhưng được trừ đi số tiền lãi đã trả là 35.000.000 đồng, số tiền lãi còn phải trả là 59.940.000 đồng. Việc ông Kh yêu cầu anh Đ và chị H trả số tiền lãi 59.940.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[5]- Về án phí: Anh Đ và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông Kh được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả ông Kh số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc anh Nguyễn Văn Đ và chị Lưu Thị H trả cho ông Nguyễn Ngọc Kh tổng số tiền là 259.940.000 đồng.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lưu Thị H phải chịu 12.997.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Kh số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.250.000 đồng theo biên lai thu số 0008079 ngày 03/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Chuyên